

PHỤ LỤC III:

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ ĐIỀU KIỆN HÀNH HẢI KHU VỰC CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÁI BÌNH.

1. Khu vực cảng biển Thái Bình

Thông tin các vị trí đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu

Khu neo đậu, khu chuyển tải và tránh bão: Ranh giới được giới hạn từ cửa sông Diêm Điền chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu đến đường thẳng cắt ngang sông cách cống Diêm Điền 100 mét về phía hạ lưu, bao gồm cả khu vực lạch Quang Lang (theo Quyết định số 984/QĐ-CHVN ngày 17/10/2014 của Cục HHVN).

Tên vị trí đón trả hoa tiêu, kiểm dịch	Tọa độ WGS 84		Đường kính	Độ sâu (m)
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)		
- Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch vào luồng Diêm Điền	20°30'42"	106°37'53"	01 nm	
- Vị trí đón trả hoa tiêu khu chuyển tải xăng dầu Hải Hà cho tàu 20.000 DWT	20°29'38,7"	106°41'16,3"	222.5m	-9,3
- Vị trí đón trả hoa tiêu khu chuyển tải Hải Hà cho tàu 48.000 và 60.000 DWT	20°28'07,1"	106°43'41,7"	255m	-15,9

Tàu hành trình trên luồng hàng hải Diêm Điền: Không vượt quá 07 hải lý/giờ với đoạn luồng từ phao P0 đến cặp phao P9-10; tốc độ không vượt quá 05 hải lý/giờ với đoạn luồng từ cặp phao P9-P10 trở vào bến cảng; khi điều động trước bến cảng tốc độ không vượt quá 03 hải lý/giờ.

2. Khu vực cảng biển Nam Định

- Điểm đón trả hoa tiêu, kiểm dịch vào luồng Hải Thịnh và Khu neo chuyển tải Lạch Giang:

Vị trí: **19°56'11,4"N; 106°12'47,8"E**

- Khu neo đậu cho tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Nam Định

Vị trí	Hệ tọa VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K1	19°57'49.51"	106°13'53.95"	19°57'45.93"	106°14'00.68"
K2	19°58'16.67"	106°14'23.59"	19°58'13.09"	106°14'30.32"
K3	19°57'55.18"	106°14'45.61"	19°57'51.60"	106°14'52.34"
K4	19°57'28.03"	106°14'15.97"	19°57'24.45"	106°14'22.70"

Tàu hành trình trên luồng hàng hải Hải Thịnh: Phải hành trình với tốc độ an toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và hành trình thận trọng khi đi qua khu vực cầu Thịnh Long, bến phà Gót Trảng. Đặc biệt lưu ý khi đi qua các khu vực: luồng hẹp, dưới chân các cầu bắc ngang sông, vũng quay trở, đang có hoạt động ngầm dưới nước, đang thi công công trình, nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, xếp dỡ hàng hoá, neo đậu và điều động của tàu thuyền khác. Trừ trường hợp phải tránh nguy cơ đâm va trước mắt, nếu điều kiện kỹ thuật của tàu thuyền cho phép và không có quy định khác, khi hành trình trên luồng hàng hải Hải Thịnh, tốc độ tàu thuyền không vượt quá 08 hải lý/giờ. Nghiêm cấm vượt nhau hoặc neo, dừng trên đoạn luồng từ cặp phao 1-2 đến cặp phao 9-10 và thủy điện các cầu, bến cảng (trừ các tàu đang điều động quay trở để cập, rời cầu).

3. Độ sâu dự phòng tối thiểu dưới ky tàu (UKC_{min}) áp dụng trên các tuyến luồng Diêm Điền - Thái Bình và luồng Hải Thịnh - Nam Định

Chiều dài lớn nhất của tàu (LOA): m	Mớn nước (m)	UKC_{min} (m)
$LOA \leq 160$	$d \leq 7,0$	0,3
$LOA \leq 160$	$7,0 < d \leq 8,0$	0,4
$LOA \leq 160$	$d > 8,0$	0,5
$160 < LOA \leq 170$	$d \leq 7,0$	0,4
$160 < LOA \leq 170$	$7,0 < d \leq 8,0$	0,5
$160 < LOA \leq 170$	$d > 8,0$	0,6
$170 < LOA \leq 180$	$d \leq 7,0$	0,5
$170 < LOA \leq 180$	$7,0 < d \leq 8,0$	0,6
$170 < LOA \leq 180$	$d > 8,0$	0,7
$180 < LOA \leq 190$	$d \leq 7,0$	0,6
$180 < LOA \leq 190$	$7,0 < d \leq 8,0$	0,7
$180 < LOA \leq 190$	$d > 8,0$	0,8
$190 < LOA \leq 201$	$d \leq 7,0$	0,7
$190 < LOA \leq 201$	$7,0 < d \leq 8,0$	0,8
$190 < LOA \leq 201$	$d > 8,0$	0,9